**Phụ lục I**

**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH**

**NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

*Ban hành kèo theo Quy định của Quyết định số 21/2020/QĐ –UBND*

*Ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố*

**Biểu 01**

**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

**GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực** | **Phương thức** |
| **I** | **Sự nghiệp giáo dục đào tạo** |  |
| 1 | Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 2 | Dịch vụ giáo dục thường xuyên | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 3 | Dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 4 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **II** | **Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp** |  |
| 5 | Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 6 | Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 7 | Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 8 | Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| **III** | **Sự nghiệp y tế - dân số** |  |
| 9 | Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 10 | Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 11 | Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 12 | Dịch vụ giám định | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 13 | Dịch vụ y tế khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **IV** | **Sự nghiệp thông tin và truyền thông** |  |
| 14 | Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 15 | Dịch vụ viễn thông, Internet | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 16 | Dịch vụ bưu chính | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 17 | Dịch vụ công nghệ thông tin | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 18 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **V** | **Sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch** |  |
| 19 | Dịch vụ văn hóa | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 20 | Dịch vụ gia đình | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 21 | Dịch vụ thể dục, thể thao | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 22 | Dịch vụ du lịch | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 23 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **VI** | **Sự nghiệp khoa học và công nghệ** |  |
| 24 | Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 25 | Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 26 | Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 27 | Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ) | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **VII** | **Sự nghiệp bảo vệ môi trường** |  |
| 28 | Dịch vụ môi trường | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 29 | Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **VIII** | **Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác** |  |
| **A** | **Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn** |  |
| 30 | Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 31 | Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 32 | Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 33 | Dịch vụ lĩnh vực thú y | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 34 | Dịch vụ lĩnh vực thủy sản | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 35 | Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 36 | Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 37 | Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 38 | Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 39 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **B** | **Hoạt động kinh tế giao thông vậntải** |  |
| 40 | Dịch vụ lĩnh vực đường bộ | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 41 | Dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 42 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **C** | **Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường** |  |
| 43 | Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 44 | Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 45 | Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 46 | Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 47 | Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 48 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **D** | **Hoạt động kinh tế Công Thương** |  |
| 49 | Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 50 | Dịch vụ lĩnh vực hóa chất | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 51 | Dịch vụ lĩnh vực quản lý cạnh tranh | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 52 | Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 53 | Dịch vụ khuyến công; xúc tiến thương mại | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 54 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **Đ** | **Hoạt động kinh tế xây dựng** |  |
| 55 | Dịch vụ lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp không thuộc phạm vi hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật quy hoạch | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 56 | Dịch vụ nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 57 | Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 58 | Dịch vụ xây dựng, thu thập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng, phát triển cổng thông tin điện tử | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 59 | Dịch vụ điều tra thống kê | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 60 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **E** | **Sự nghiệp lao động thương binh và xã hội** |  |
| 61 | Dịch vụ chăm sóc người có công | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 62 | Dịch vụ về việc làm | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 63 | Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 64 | Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội | Giao nhiệm vụ/đặt hàng |
| 65 | Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 66 | Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **G** | **Lĩnh vực Tư pháp** |  |
| 67 | Dịch vụ trợ giúp pháp lý | Giao nhiệm vụ/hình thức khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý |
| 68 | Dịch vụ khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| **H** | **Sự nghiệp khác** |  |
| 69 | Dịch vụ cứu nạn trên biển | Giao nhiệm vụ |
| 70 | Dịch vụ sự nghiệp khác | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |

**Biểu 02**

**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THỰC HIỆN**

**ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

1.Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ (trong trường hợp dịch vụ này có định mức kinh tế- kỹ thuật và đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở đặt hàng cho doanh nghiệp thực hiện)

2. Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

3. Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.

4. Dịch vụ chiếu sáng đô thị.

5. Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.

6. Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình phóng sự, tài liệu chuyên đề, phim truyện do nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ.

7. Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài.

**Phụ lục II**

**DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

**THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

*(Ban hành kèm theo Quy định của Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND*

*ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**I. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG**

1.Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của pháp luật về thủy lợi

2. Dịch vụ cung cấp điện, nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

 3. vắc xin, sinh phẩm trong các trường hợp sau: (i) Phục vụ công tác phòng, chống các bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; (ii) Sử dụng cho chương trình tiêm chủng mở rộng; (iii) Chỉ có một nhà sản xuất trong nước.

 4. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

 \* Sản phẩm, dịch vụ công ích tại khoản 1 Mục I này thực hiện đặt hàng, trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định thực hiện phương thức giao nhiệm vụ thì được thực hiện giao nhiệm vụ; nhưng khuyến khích áp dụng hình thức đặt hàng.

 **II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẤU THẦU HOẶC ĐẶT HÀNG**

1.Quản lý, khai thác công trình thủy lợi vừa và công trình thủy lợi nhỏ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị.

3. Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị.

5. Sản xuất, cung ứng, lưu trữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.

6. các sản phẩm chiết tách từ huyết tương theo quy mô công nghiệp (Albumin, Gammaglubulin, các yếu tố đông máu cô đặc)

7. Sản xuất sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ HCG.

8. Vận chuyển, cung ứng hàng hóa và dịch vụ thiết yếu phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

9. Dich vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển xa.

10. Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

11. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.